

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2022/HC-PT

Ngày 12/5/2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh vực
quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn** và ông **Nguyễn Tấn Trường**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 14/2022/TLPT-HC ngày 26 tháng 02 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2018/HC-ST ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1543/QĐ-PT ngày 20/4/2022, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà **Trịnh Thị P**, sinh năm 1943. Địa chỉ: Thôn T, xã T1, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Ngọc L1**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn A, thị trấn T3, huyện T4, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P: Luật sư **Ngô Thanh T5** - Văn phòng luật sư TT, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: 70 đường H, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Ngọc A, chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N, chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng mặt.

Địa chỉ: 70 đường H, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Đinh Hữu Tr, chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T2, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: 70 đường H, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

Ông Nguyễn Quốc S, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trung tâm bồi thường giải phóng mặt bằng - Ban quản lý khu kinh tế mở C. Địa chỉ: Đường L1, phường A1, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T4, chức vụ Phó Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Trịnh Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng người khởi kiện bà Trịnh Thị P và đại diện theo ủy quyền của bà P là ông Lê Ngọc L1 trình bày:

Gia đình tôi bị thu hồi diện tích đất khoảng 1.450m² tại thôn T, xã T1, thành phố T2, nguồn gốc diện tích đất này là của ông bà sử dụng từ trước 1975, có giấy tờ trích lục sử dụng đất của chế độ cũ cấp năm 1938. Từ năm 1957 đến năm 1978 thì cha mẹ tôi tiếp tục quản lý, canh tác sử dụng. Năm 1978, gia đình tôi chấp nhận chủ trương của nhà nước về việc đưa đất vào hợp tác xã nông nghiệp để canh tác, sử dụng. Gia đình tôi hiến đất màu, còn lại phần diện tích đất 1.450m² là đất cằn cỗi không thể trồng lúa, hoa màu nên hợp tác xã nông nghiệp để lại cho gia đình tôi tiếp tục canh tác, sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm từ năm 1979 đến nay. Diện tích đất 1.450m² sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp với ai, các hộ dân có thửa đất xung quanh xác nhận không có tranh chấp. Trên đất có các loại cây lâu năm như trâm, cây keo lá tràm, dương liễu và các loại cây lấy củi khác có được Ủy ban nhân dân (UBND) hỗ trợ khi giải phóng mặt bằng. Đối với diện tích đất này gia đình tôi không tiến hành kê

khai đăng ký, tôi chỉ có chứng cứ là tờ trích lục sử dụng đất của chế độ cũ cấp năm 1938.

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp T1 theo Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 và Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND thành phố T2 thì diện tích 1.450m² đất trồng cây lâu năm của gia đình tôi bị thu hồi nhưng không được bồi thường về đất, với lý do đất này là bờ đất thuộc nhóm đất chưa sử dụng do UBND xã T1 quản lý. Do không được bồi thường nên ngày 11/3/2018, tôi làm đơn kiến nghị, ngày 19/4/2018 UBND thành phố T2 ban hành công văn số 658/UBND-VP về việc trả lời đơn cho tôi là không được bồi thường về đất. Ngày 26/4/2018, tôi làm đơn khiếu nại công văn số 658/UBND-VP của UBND thành phố T2. Ngày 08/6/2018, chủ tịch UBND thành phố T2 ban hành quyết định số 3564/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của tôi với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại bồi thường diện tích đất 1.450m² cho tôi. Theo kết quả đo đạc thẩm định ngày 17/10/2018 thì diện tích đất của tôi yêu cầu thu hồi và bồi thường là 1.668,5m². Do đó, bà P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét giải quyết các nội dung sau:

- Yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T2, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Trịnh Thị P và hủy Công văn số 658/UBND-VP ngày 19/4/2018 của UBND thành phố T2, tỉnh Quảng Nam về trả lời đơn của bà Trịnh Thị P;

- Yêu cầu Tòa án xem xét buộc UBND thành phố T2, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi và bồi thường diện tích đất 1.668,5m², tại thôn T, xã T1, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam cho bà Trịnh Thị P đúng theo quy định pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng, đại diện Người bị kiện UBND thành phố T2 và Chủ tịch UBND thành phố T2 trình bày:

Theo hồ sơ 64/NĐ-CP và hồ sơ trích đo địa chính để thực hiện dự án, thì phần diện tích bà P yêu cầu bồi thường nằm ngoài diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), nguyên là đất đường đi chung, bờ đất giữa các thửa đất nông nghiệp, không hình thành thửa đất riêng biệt, không tiến hành kê khai, trích đo địa chính diện tích đất này qua các thời kỳ. Vì vậy UBND xã T1 không tiến hành xác nhận nguồn gốc sử dụng đất để thực hiện thu hồi bồi thường. Vụ việc đã được UBND thành phố T2 giải quyết tại Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 và Công văn số 658/UBND-VP ngày 19/4/2018 là có cơ sở, đúng quy định. Vì vậy, bà P khởi kiện đối với

Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 và Công văn số 658/UBND-VP ngày 19/4/2018 là không có cơ sở đề nghị không chấp nhận.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Hữu T4 đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Trung tâm bồi thường giải phóng mặt bằng - Ban quản lý khu kinh tế mở C trình bày:

Về việc xác định nguồn gốc đất là do UBND xã thực hiện, hồ sơ đất về thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ là do UBND thành phố và Phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp, Ban quản lý Khu kinh tế mở C căn cứ vào hồ sơ pháp lý các bên cung cấp để thực hiện việc kiểm kê bồi thường. Theo bản đồ giải thửa tờ số 12 đã được phê duyệt thì đất bà P khiếu nại là đất bờ, theo kết quả thẩm định cũng thể hiện rõ là đất giao thông tức là đất công cộng. Ban quản lý Khu kinh tế mở C đã tiến hành kiểm kê các cây cối của bà P và một số hộ dân trên đất này để bồi thường dù đó là cây gì. Các cây của bà P đã được kiểm kê, hiện nay hộ bà P chưa nhận tiền bồi thường các cây này.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng:

Bà P sử dụng đất ổn định, không tranh chấp từ trước năm 1975 đến hiện nay, trên đất bà P yêu cầu bồi thường có cây trồng lâu năm của bà P và chỉ có duy nhất 01 hộ dân có cây trên đất này. Đồng thời, trong pháp luật về đất đai không có khái niệm về đất bờ nên UBND cho rằng đất bà P sử dụng là đất bờ là không có cơ sở, quá trình sử dụng đất do không am hiểu các quy định của pháp luật nên bà P không kê khai, đăng ký. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2018/HC-ST ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị P về yêu cầu hủy Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T2, tỉnh Quảng Nam; hủy Công văn số 658/UBND-VP ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T2, tỉnh Quảng Nam và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T2, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi và bồi thường diện tích đất 1.668,5m² cho bà Trịnh Thị P.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 02/01/2019, bà Trịnh Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: HĐXX phúc thẩm chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đơn khởi kiện của bà P là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện cho người bị kiện là Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T2 và Chủ tịch UBND thành phố T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng tiếp tục xét xử theo qui định pháp luật.

[2.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Tòa cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thụ lý đơn khởi kiện Trịnh Thị P yêu cầu hủy Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T2, tỉnh Quảng Nam; hủy Công văn số 658/UBND-VP ngày 19/4/2018 của UBND thành phố T2 và yêu cầu Tòa án xem xét buộc UBND thành phố T2 ban hành quyết định thu hồi và bồi thường diện tích đất 1.668,5m² (Trước đây yêu cầu là 1.450m², tại phiên tòa đại diện cho bà P bổ sung yêu cầu là 1.668,5m²); yêu cầu của nguyên còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng.

[2] Xét kháng cáo bà Trịnh Thị P về yêu cầu hủy Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T2; hủy Công văn số 658/UBND-VP ngày 19/4/2018 của UBND thành phố T2 và buộc UBND thành phố T2, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi và bồi thường diện tích đất 1.668,5m² cho bà Trịnh Thị P thì thấy:

[2.1] Về tính hợp pháp của Công văn số 658/UBND-VP ngày 19/4/2018 của UBND thành phố T2 và Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T2, tỉnh Quảng Nam: Ngày 11/3/2018, bà Trịnh Thị P có đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường đất đã thu hồi để giải phóng mặt bằng, nên ngày 19/4/2018, UBND thành phố T2 có Công văn số 658/UBND-VP trả lời đơn thư của bà P. Do không thống với nội dung trả lời nên ngày 26/4/2018, bà tiếp tục có đơn khiếu nại đến UBND thành phố T2. Ngay sau khi nhận đơn, UBND thành phố T2 tiến hành xác minh, họp các cơ quan tư vấn và tổ chức đối

thoại với bà P, theo đúng quy định tại Điều 18, Điều 28 Luật Khiếu nại. Ngày 08/6/2018, Chủ tịch UBND thành phố T2 ban hành Quyết định số 3564/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại. Xét thấy, Chủ tịch UBND thành phố T2 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của bà P là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung: Theo kết quả đo đạc thẩm định ngày 17/10/2018 thì diện tích đất bà P yêu cầu thẩm định là 1.668,5m², tại thôn T, xã T1, thành phố T2, thuộc tờ bản đồ số 12 có vị trí nằm bao quanh thửa đất 322 và nằm dọc theo đường đất giáp ranh với các thửa 398, 397, 365, 366 và giáp với các thửa đã được thu hồi, trên diện tích đất này có các cây cối của hộ bà P và phần đất giáp hai đầu bờ đất của ông Hồ Quân có cây keo của ông Quân gồm 04 cây keo lá tràm, điều này được ông L1 thừa nhận tại phiên tòa. Đối với diện tích đất này hộ bà P không kê khai theo 64/NĐ-CP. Theo bà P thửa đất số 479, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.864m² (được đo bao gồm 05 chủ sử dụng đất). Hộ bà Trịnh Thị L1 (P) đã được UBND thị xã T2 (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/7/1997 tại thửa đất số 479/2, tờ bản đồ số 11, diện tích 356m², loại đất màu. Theo trích đo địa chính để thực hiện dự án Khu công nghiệp T1 thì hộ bà Trịnh Thị L1 (P) bị thu hồi thửa đất số 398, tờ bản đồ số 12, diện tích 411,7m² (Tăng so với kê khai 64/Cp là 55,7m²). Còn đối với việc kê khai theo Chi thị 299/TTg thì tại địa bàn xã T1 không thực hiện. Diện tích đất mà bà P yêu cầu thu hồi và bồi thường được UBND thành phố T2 xác định là đất bờ (Đất đường đi được sử dụng chung) nằm dọc theo các thửa đất màu của các hộ dân và trên đất có cây cối của hộ bà P và một số hộ dân khác là ông Hồ Quân. Điều này phù hợp với kết quả thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2018 và nội dung xác nhận của các nhân chứng mà bà P cung cấp gồm ông Lê Văn M, bà Lê Thị Bích Th, ông Lê Minh C, ông Cao Tiến D, ông Lê Văn Tr, ông Nguyễn Ng đều xác định diện tích đất mà bà P yêu cầu thu hồi và bồi thường là đất bờ (Bờ đất). Mặt khác, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/7/1997 đến hiện nay bà P cũng không có khiếu nại gì về việc cấp đất thiếu so với diện tích đã sử dụng cũng như không kê khai đăng ký bổ sung đối với diện tích đất nào khác. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố T2 ban hành quyết định số 3564/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại không chấp nhận khiếu nại của bà P về yêu cầu bồi thường diện tích đất thu hồi 1.450m² là đúng.

[3] Xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm đã nhận định đánh giá khách quan toàn diện, áp dụng đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà của bà Trịnh Thị P.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trịnh Thị P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng

xét xử miễn án phí cho P.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Bác kháng cáo Bà Trịnh Thị P, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2018/HC-ST ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị P về yêu cầu hủy Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T2, tỉnh Quảng Nam; hủy Công văn số 658/UBND-VP ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T2, tỉnh Quảng Nam và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T2, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi và bồi thường diện tích đất 1668,5m² cho bà Trịnh Thị P.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trịnh Thị P là người cao tuổi được miễn theo qui định pháp luật.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án hôm nay 12/5/2022.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Đường sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn